

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 28-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, AN GIANG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hà Thị Mỹ Linh.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Huỳnh Trung N, sinh năm 1994; Nơi sinh: tại An Giang; Quê quán: xã C, huyện C, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; trình độ học vấn 09/12; con ông **Trần Nguyên K**, sinh năm 1972 và bà **Huỳnh Thị O**, sinh năm 1970; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo có vợ là **Lê Thị Trang E**, sinh năm 1994 và một con, sinh năm 2021.

- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo **Trần Huỳnh Trung N** bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C cho đến nay (có mặt);
- **Người bị hại:**
Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1988 (vắng mặt);
Cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, An Giang.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
1. Chị **Trần Thị Hoài A**, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Cư trú: Số 27, đường Đông Hồ, khóm Trung An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, An Giang
2. Anh **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, An Giang.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Trúc P (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 23/01/2024, Trần Huỳnh Trung N đi bộ trên lộ nông thôn, cặp bờ kênh Mạc Cần Dung theo hướng B - C để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, N thấy nhà anh Trần Thanh T cửa rào đang mở, bên trong sân có 01 xe Wave màu xanh, biển số 67H5-1579 đang dựng, chìa khóa cắm trên ổ khóa xe, không người trông coi nên vào lấy trộm. Khi N đang lùi và quay đầu xe lại để chạy thì Nguyễn Thị Trúc P là vợ T phát hiện, truy hô “ăn trộm, ăn trộm” và cùng T bắt giữ N trình báo Công an xã B.

* Vật chứng thu giữ:

01 (một) xe mô tô kiểu dáng xe Wave, màu xanh, hiệu ROMATIC, biển số: 67H5-1579, do Trung Quốc sản xuất, số khung: 1020640, số máy: 01710640, xe đã qua sử dụng (đã trao trả lại cho bị hại Trần Thanh T).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL.HĐ ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận: 01 xe mô tô biển số 67H5-1579, kiểu dáng Ware, màu xanh, hiệu Romantic, loại xe nữ, dung tích xi lanh 108 cm³, số máy: 01710640, số sườn: 1020640, xe đã qua sử dụng, có giá trị là ((10.000.000 đồng x 10%) + (620.000 đồng x 10%) + (300.000 đồng x 10%) + (4.000.000 đồng * 60%) = 3.492.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 3.492.000 đồng.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 10/QĐ-VKS-HS ngày 15/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Trần Huỳnh Trung N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thực hành quyền công tố phát biểu lời luận tội đối với bị cáo Trần Huỳnh Trung N, giữ nguyên nội dung truy tố. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trần Huỳnh Trung N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô kiểu dáng xe Wave, màu xanh, hiệu ROMATIC, biển số: 67H5-1579, do Trung Quốc sản xuất, số khung: 1020640, số

máy: 01710640, xe đã qua sử dụng, đã trao trả lại cho bị hại **Trần Thanh T** nên không đặt ra xem xét.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại **Trần Thanh T**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hữu T1**, chị **Trần Thị Hoài A**; người làm chứng **Nguyễn Thị Trúc P** đều vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đều vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với thời gian, đặc điểm của tài sản bị trộm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 23/01/2024, bị cáo thấy nhà anh **Trần Thanh T** cửa rào đang mở, bên trong sân có 01 xe Wave màu xanh, biển số 67H5-1579 đang dựng, chìa khóa cắm trên ổ khóa xe, không người trông coi nên vào lấy trộm tài sản, tổng giá trị là 3.492.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Tài sản của công dân do công sức lao động và tích lũy trong quá trình sản xuất lao động của họ mới có được nên luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác bất hợp pháp, dưới bất kỳ hình thức nào đều phải xử lý nghiêm minh.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích của tội phạm là chiếm đoạt được tài sản, thể hiện sự xem thường pháp luật, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động chân chính để tạo thu nhập vừa nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình. Ngược lại, với bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không cần tốn công sức, bị cáo đã xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới phù hợp tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích. Qua đó, cũng nhằm mục đích giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này đang diễn ra phổ biến tại địa phương.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội, thấy:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời được bị hại làm đơn xin bãi nại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về vật chứng: bị hại đã nhận lại tài sản nên không đặt ra xem xét tiếp.

[6] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Huỳnh Trung N** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Trần Huỳnh Trung N** 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/01/2024).

Căn cứ Điều 136, Điều 455 và Điều 457 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo **Trần Huỳnh Trung N** phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

Hà Thị Mỹ Linh

